

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: **01/2026/DS-ST**.

Ngày: 09-01-2026.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Bộ
2. Ông Y Blao Bkrông

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 903/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Lầu H, số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Cao Thị Mỹ H – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ kiêm trưởng phòng giao dịch C.

Người được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ủy quyền lại: Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm: 1991 – Chức vụ: Chuyên viên Khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ, phòng giao dịch C (Có mặt)

Địa chỉ: Số A Buôn E, xã D, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, Sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số D P, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim N trình bày có nội dung như sau:

Vào ngày 08/09/2022, Ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng TMCP S (Gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 472074 - 9782 với lãi suất thỏa thuận là 2.6%/tháng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ theo thu nhập của ông Nguyễn Văn T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn T đã thực hiện các giao dịch nhiều lần với tổng số tiền gốc là 11.141.818 đồng, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định và bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 10/10/2024. Qua nhiều lần gọi điện thoại, gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), sau khi quá hạn Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và dư nợ còn thiếu đã chuyển nợ quá hạn vi phạm điều 24 của phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc nhắc nhở với ông T, yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn cũng như tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ.

Tính đến ngày 09/01/2026, dư nợ của ông Nguyễn Văn T tại Ngân hàng là 17.860.142 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 11.141.818 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 4.478.883 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 2.239.441 đồng.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng số nợ nêu trên, và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ tại Ngân hàng.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn T, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật, nhưng ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có ý kiến trình bày. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 09/01/2026 là 17.860.142 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, cư trú tại số D P, phường B, tỉnh Đắk Lắk có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Ngày 08/09/2022, ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân tại Ngân hàng TMCP S). Biện pháp bảo đảm theo hình thức tín chấp. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện của các bên, không bị lừa dối, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Căn cứ vào thu nhập của ông Nguyễn Văn T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Văn T đã thực hiện các giao dịch với số tiền gốc chuyển quá hạn là 11.141.818 đồng. Từ khi được kích hoạt thẻ cho đến nay, ông Nguyễn Văn T mới thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 5.702.912 đồng. Số tiền này bao gồm cả gốc, lãi và phí theo thỏa thuận giữa hai bên. Số tiền vay của ông Nguyễn Văn T đã được chuyển nợ quá hạn vào ngày 10/10/2024. Như vậy, ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 20, Điều 24 của phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Nguyễn Văn T phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi còn thiếu theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả xong nợ vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, nên cần được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: $17.860.142 \times 5\% = 893.000$ đồng (đã làm tròn) án phí DSST.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền (tính đến ngày 09/01/2026) là 17.860.142 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 11.141.818 đồng; nợ lãi trong hạn là 4.478.883 đồng và nợ lãi quá hạn là 2.239.441 đồng.

Kể từ ngày 10/01/2026 ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, cho đến khi thanh toán hết nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 893.000 đồng (đã làm tròn).

Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đắk Lắk) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0012634 ngày 04/11/2024.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông